

CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 5 tháng 2 năm 2007



TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH

Phan Thị Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên từ ngày 15/12/2006 đến ngày 31/12/2007

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.8 628 205 Fax: 04.8 628 703

0112
CHI
ÔNG
TỔM 7
CH VỤ
H. N. C
T. Á. V

Mục lục	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.8 628 205

Fax: 04.8 628 703

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Ô tô TMT trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 15/12/2006 đến ngày 31/12/2007 (sau đây được viết tắt là "năm tài chính đầu tiên") của Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây được viết tắt là "Công ty"), như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Ô tô TMT được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14/4/2006 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam thành công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Ngày 15/12/2006 Công ty mới chính thức được bàn giao và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

Đơn vị trực thuộc Công ty gồm có: Nhà máy Ô tô Cửu Long, Nhà máy sản xuất lắp ráp xe gắn máy đặt tại xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và Chi nhánh Công ty tại tỉnh Bình Dương đặt tại xã Lộ Hà Nội, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Công ty có trụ sở chính tại số 199B - Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

2. Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Các hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính, bao gồm:

- Sản xuất và cung ứng vật tư thiết bị cơ khí giao thông vận tải;
- Gia công, phục hồi, kinh doanh vật tư, phụ tùng, phương tiện cơ khí giao thông vận tải;
- Sửa chữa, kinh doanh và đại lý ký gửi các loại xe gắn máy hai bánh;
- Kinh doanh hàng điện, điện tử, hàng nội thất;
- Làm dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải;
- Đại lý, kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, nông sản và hàng tiêu dùng;
- Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô, xe gắn máy hai bánh;

3471
NHÂN
TY TN
DAN
TN H
HMIN
TP. H

011
KIỂM
DỊCH
TP

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

- **Hội đồng quản trị**

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Long	Ủy viên
Ông Lương Chí Cường	Ủy viên
Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Ủy viên
Ông Lê Văn Phiến	Ủy viên

- **Ban giám đốc**

Ông Lê Thành Chung	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Vinh	Phó tổng Giám đốc thường trực
Ông Phạm Văn Công	Phó tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó tổng Giám đốc

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007; kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính đầu tiên của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 7 đến 20 kèm theo.

5. Kiểm toán viên:

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2007; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



18/01/2008

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.8 628 205

Fax: 04.8 628 703

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2008

Tổng Giám đốc




Lê Thành Chung





CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 9305163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 9304281

Email: aisc@hcm.vnn.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: 80211/BCKT- AISHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2008

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 15/12/2006 đến ngày 31/12/2007 (sau đây được viết tắt là "năm tài chính đầu tiên") của Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây được viết tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên được trình bày từ trang 7 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Như được trình bày tại Thuyết minh số V.8 và V.10 tại thời điểm 31/12/2007, Công ty đang ghi nhận một phần giá trị TSCĐ trong Báo cáo tài chính theo số liệu chưa được phê duyệt chính thức của cấp có thẩm quyền; nguyên giá TSCĐ hữu hình tạm ghi nhận là 45.880.315.617 đồng và nguyên giá TSCĐ vô hình tạm ghi nhận tại 31/12/2007 là 19.433.410.399 đồng.



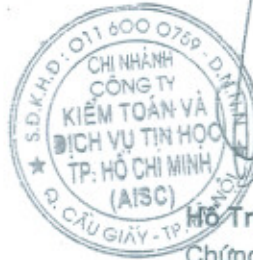
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính vì những lý do nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên của Công ty, được lập phù hợp với chế độ, chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý liên quan.

Kiểm toán viên



Trần Đức Hiệp
Chứng chỉ KTV số: 0908/KTV

Phó Giám đốc



Hồ Trung Trực
Chứng chỉ KTV số: 0310/KTV

3347
NHÀ
TY T
TOÁN
TÍN
CHÍNH
- 1P

00
HÀNG
NG-T
TOÁN
TÍN
HỒ CH
(AISC)
GIẤY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2007

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		708.617.359.752	174.727.452.856
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.869.286.931	6.985.870.906
1. Tiền	111	V.1	16.869.286.931	6.985.870.906
III. Các khoản phải thu	130		26.555.605.423	8.633.154.364
1. Phải thu khách hàng	131		179.850.500	46.725.000
2. Trả trước cho người bán	132		25.212.065.834	3.940.728.114
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.163.689.089	4.645.701.250
IV. Hàng tồn kho	140		639.844.329.577	156.349.665.428
1. Hàng tồn kho	141	V.4	639.844.329.577	156.349.665.428
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.348.137.821	2.758.762.158
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		78.500.993	36.103.895
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.444.203.505	627.438.471
3. Các khoản thuế phải thu	153	V.5	3.127.073.825	54.591.420
4. Tài sản ngắn hạn khác	154		14.698.359.498	2.040.628.372
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.202.820.015	66.264.651.455
II. Tài sản cố định	220		69.355.530.725	64.775.585.215
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	46.452.379.868	40.030.237.995
<i>Nguyên giá</i>	222		85.735.738.034	67.515.438.153
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(39.283.358.166)	(27.485.200.158)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	18.269.897.633	18.711.033.469
- <i>Nguyên giá</i>	228		19.488.410.399	19.488.410.399
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.218.512.766)	(777.376.930)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	4.633.253.224	6.034.313.751
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.942.730.000	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.435.300.492	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(492.570.492)	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		904.559.290	1.489.066.240
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	904.559.290	1.489.066.240
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		781.820.179.767	240.992.104.311

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2007

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		680.591.998.723	214.699.721.384
I. Nợ ngắn hạn	310		644.842.376.511	176.246.725.741
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	319.764.342.666	110.291.521.574
2. Phải trả người bán	312		111.517.154.011	29.330.039.075
3. Người mua trả tiền trước	313		92.887.276.156	23.630.024.267
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	20.731.688.478	3.009.539.697
5. Phải trả người lao động	315		733.292.800	1.972.403.831
6. Chi phí phải trả	316	V.17	12.496.489.295	2.698.695.783
7. Phải trả nội bộ	317		0	656.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	86.712.133.105	4.658.501.514
II. Nợ dài hạn	330		35.749.622.212	38.452.995.643
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	35.545.209.475	38.452.995.643
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		204.412.737	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.228.181.044	26.292.382.927
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	100.510.893.116	25.000.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		75.510.893.116	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		717.287.928	1.292.382.927
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		717.287.928	1.292.382.927
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		781.820.179.767	240.992.104.311

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc


Phạm Mạnh Hiền


Đào Tiến Thành


Lê Thành Chung



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2007

H.Đ.Đ.
C
C
C
KIẾ
T
T
P. H
U
G
I
A

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	997.490.951.610
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	249.959.913
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	997.240.991.697
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	872.304.889.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		124.936.101.930
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4.056.530.633
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	20.477.587.743
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.546.993.354
8. Chi phí bán hàng	24		19.356.724.429
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.307.593.114
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		72.850.727.277
11 Thu nhập khác	31		4.296.274.442
12 Chi phí khác	32		1.636.108.603
13 Lợi nhuận khác	40		2.660.165.839
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.510.893.116
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		0
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		75.510.893.116
18 Lãi có bản trên cổ phiếu			30.204

H.Đ.Đ.
C
C
C
KIẾ
T
T
P. H
U
G
I
A

Người lập

Phạm Mạnh Kiên

Kế toán trưởng

Đào Tiến Thành

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2008

Tổng giám đốc



Lê Thành Chung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2007

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2007 VND
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.273.411.755.853
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(156.829.591.355)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.237.074.553)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(15.889.034.130)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(88.895.761)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	41.101.577.554
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.329.851.866.223)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(205.383.128.615)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(868.923.684)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.934.385.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.977.185.000
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.826.123.684)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31	11.850.158.400
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	966.852.162.614
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(759.609.652.690)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	219.092.668.324
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	9.883.416.025
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.985.870.906
Tiền tồn cuối kỳ	70	16.869.286.931

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2008

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Hiền

Đào Tiến Thành

Lê Thành Chung



1203
NH
TY
TOA
TIN
CHIM
TP

500
NH
ONG
V TO
VU
HOC
TAP
GIAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Ô tô TMT được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14/4/2006 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam thành công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 ngày 15/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Đơn vị trực thuộc Công ty gồm có: Nhà máy Ô tô Cửu Long, Nhà máy sản xuất lắp ráp xe gắn máy đặt tại xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và Chi nhánh Công ty tại tỉnh Bình Dương đặt tại xa lộ Hà Nội, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Công ty có trụ sở chính tại số 199B - Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

1- Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: hỗn hợp.

2- Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, lắp ráp xe máy và ô tô tải.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng vật tư thiết bị cơ khí giao thông vận tải;
- Gia công, phục hồi, kinh doanh vật tư, phụ tùng, phương tiện cơ khí giao thông vận tải;
- Sửa chữa, kinh doanh và đại lý ký gửi các loại xe gắn máy hai bánh;
- Kinh doanh hàng điện, điện tử, hàng nội thất;
- Làm dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải;
- Đại lý, kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, nông sản và hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông, lâm, thổ sản, hải sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa (trừ loại Nhà nước cấm);
- Đại lý xăng dầu, nhiên liệu;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô, xe gắn máy hai bánh;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm đầu tiên được tính từ ngày 15/12/2006 đến ngày 31/12/2007 (trong Báo cáo tài chính này được viết tắt là "Năm tài chính đầu tiên").

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002, Thông tư số 105/2003/TT-BTC ngày 04/11/2003, Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/3/2005, Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các Ngân hàng.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.



CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: lợi thế thương mại chờ phân bổ; chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả;

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Việc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi tiền vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Năm 2007, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Tiền mặt tại quỹ	125.319.248	867.099.191
Tiền gửi ngân hàng	13.788.117.683	6.118.771.715
Tiền đang chuyển	2.955.850.000	0
Cộng	16.869.286.931	6.985.870.906

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	281.671.058	0
Phải thu về cổ phần hóa	0	352.082.596
Phải thu giá trị xây lắp hạng mục công trình hoàn thành	315.407.481	337.502.237
Thuế GTGT được khấu trừ	0	3.645.261.403
Phải thu khác	566.610.550	310.855.014
Cộng	1.163.689.089	4.645.701.250

4. Hàng tồn kho

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Hàng mua đang đi trên đường	161.201.747.466	18.816.600
Nguyên liệu, vật liệu	20.461.502.890	18.742.512.641
Công cụ, dụng cụ	0	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	135.427.137.036	36.098.602.058
Thành phẩm	105.053.398.443	70.194.803.479
Hàng hóa	36.482.763.377	4.776.182.389
Hàng gửi đi bán	181.217.780.365	26.518.748.261
Cộng giá gốc hàng tồn kho	639.844.329.577	156.349.665.428

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Điện thoại: 04. 8 628 205 Fax: 04. 8 628 703

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.127.073.825	54.591.420
Cộng	3.127.073.825	54.591.420

Trong đó thuế TNDN nộp thừa theo Biên bản thanh tra thuế của năm 2005 và năm 2006 (đến ngày 14/12/2006) của Cục thuế TP. Hà Nội ngày 20/12/2007 là 2.983.488.429 đồng.

8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
Tại 15/12/2006	31.272.774.124	24.362.712.306	6.740.234.288	1.174.323.317	3.965.394.118	67.515.438.153
Mua sắm	0	398.527.428	2.794.832.507	438.530.609	0	3.631.890.544
XDCB hoàn thành	14.588.409.337	0	0	0	0	14.588.409.337
Tại 31/12/2007	45.861.183.461	24.761.239.734	9.535.066.795	1.612.853.926	3.965.394.118	85.735.738.034
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 15/12/2006	6.211.083.480	13.858.353.491	4.211.435.120	742.547.612	2.461.780.455	27.485.200.158
Khấu hao tăng trong kỳ	4.690.927.870	4.856.344.311	1.312.754.072	273.895.793	664.235.962	11.798.158.008
Tại 31/12/2007	10.902.011.350	18.714.697.802	5.524.189.192	1.016.443.405	3.126.016.417	39.283.358.166
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 15/12/2006	25.061.690.644	10.504.358.815	2.528.799.168	431.775.706	1.503.613.663	40.030.237.995
Tại 31/12/2007	34.959.172.111	6.046.541.932	4.010.877.603	596.410.521	839.377.701	46.452.379.868

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 19.897.241.551 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.104.077.125 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

Ghi chú:

TSCĐ hữu hình thuộc dự án "Nhà máy Ô tô Cửu Long" chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư chính thức, giá trị tạm ghi nhận theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do Công ty lập là:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	26.889.473.201	4.397.105.852	22.492.367.349
Máy móc thiết bị	12.664.991.481	5.455.581.140	7.209.410.341
Phương tiện vận tải	2.326.421.907	1.082.879.582	1.243.542.325
Thiết bị dụng cụ quản lý	362.890.227	79.093.577	283.796.650
TSCĐ hữu hình khác	3.636.538.801	2.313.169.963	1.323.368.838
Cộng	45.880.315.617	13.327.830.114	32.552.485.503

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Điện thoại: 04. 8 628 205 Fax: 04. 8 628 703

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm kế toán	TSCĐVH khác (*)	Cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ			
Tại 15/12/2006	55.000.000	19.433.410.399	19.488.410.399
Mua sắm	0	0	0
Thanh lý	0	0	0
Tại 31/12/2007	55.000.000	19.433.410.399	19.488.410.399
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 15/12/2006	5.347.223	772.029.707	777.376.930
Khấu hao tăng trong năm	19.097.225	422.038.611	441.135.836
Thanh lý	0	0	0
Tại 31/12/2007	24.444.448	1.194.068.318	1.218.512.766
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 15/12/2006	49.652.777	18.661.380.692	18.711.033.469
Tại 31/12/2007	30.555.552	18.239.342.081	18.269.897.633

(*) Đây là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng Nhà máy tại Hưng Yên (giá trị tạm ghi nhận theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do Công ty lập).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Nhà văn phòng, nhà ăn ca, nhà để xe	0	5.008.526.468
Sân đường nội bộ	0	691.706.446
Áp gỗ nội thất hội trường Nhà máy	0	211.916.640
Sân bãi B1	0	50.743.066
Hạ tầng cơ sở giai đoạn 2	36.696.364	36.696.364
Sân bãi B2	0	33.284.767
Tuyến đường B5	1.440.000	1.440.000
Mở rộng sản xuất lắp ráp xe 2 bánh gắn máy	52.630.000	0
Mở rộng sản xuất lắp ráp dây chuyền nhà máy mô tô Cửu Long	4.542.486.860	0
Cộng	4.633.253.224	6.034.313.751

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Lợi thế thương mại	249.805.566	582.879.666
Chi phí công cụ, dụng cụ	625.177.533	755.338.676
Phí tư vấn kiểm tra ô tô	29.576.191	150.847.898
Cộng	904.559.290	1.489.066.240

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMTĐịa chỉ: Số 199B - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: 04. 8 628 205 Fax: 04. 8 628 703**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính đầu tiên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	316.904.342.666	108.931.521.574
Vay cá nhân	2.860.000.000	1.360.000.000
Cộng	319.764.342.666	110.291.521.574

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Thuế giá trị gia tăng	175.733.145	796.094.036
Thuế xuất, nhập khẩu	20.472.283.463	2.171.429.824
Thuế thu nhập cá nhân	83.671.870	0
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	42.015.837
Cộng	20.731.688.478	3.009.539.697

17. Chi phí phải trả

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Lãi vay phải trả	330.616.095	270.964.192
Chi phí phải trả cho cán bộ công nhân viên	6.574.046.039	212.421.161
Cước vận chuyển	1.825.819.524	62.042.857
Khuyến mại phí bảo hiểm xe ô tô	1.634.750.910	1.996.878.481
Chi phí phải trả khác	127.665.819	156.389.092
Chi phí quảng cáo	2.003.590.908	0
Cộng	12.496.489.295	2.698.695.783

18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác:

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	273.273.903	69.999.500
Kinh phí công đoàn	168.334.668	73.908.569
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	0	106.404.547
Phải trả về cổ phần hóa	899.323.636	882.652.578
Phải trả góp vốn mua cổ phần đợt 2	3.204.400.000	0
Phải trả Tổng Công ty Ô tô Việt Nam	656.000.000	0
Các khoản phải trả khác	81.510.800.898	3.525.536.320
Trong đó: + Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	81.177.332.025	3.224.311.324
+ Phải trả khác	333.468.873	301.224.996
Cộng	86.712.133.105	4.658.501.514

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Điện thoại: 04. 8 628 205 Fax: 04. 8 628 703

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ dài hạn:

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Vay dài hạn	32.835.209.475	35.292.995.643
Nợ dài hạn	2.710.000.000	3.160.000.000
Cộng	35.545.209.475	38.452.995.643

22. Nguồn vốn chủ sở hữu:**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu:**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 15/12/2006	25.000.000.000	0	0	0	25.000.000.000
Tăng vốn trong năm nay	0	0	0	0	0
Lãi trong năm nay	0	0	0	75.510.893.116	75.510.893.116
Giảm vốn trong năm nay	0	0	0	0	0
Lỗ trong năm nay	0	0	0	0	0
Số dư tại ngày 31/12/2007	25.000.000.000	0	0	75.510.893.116	100.510.893.116

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
Vốn góp của nhà nước	12.250.000.000	12.250.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	12.750.000.000	12.750.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

đ. Cổ phiếu

	31/12/2007 VND	15/12/2006 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 717.287.928 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty; chia cho hoạt động thể thao văn hoá, tham quan, phúc lợi công cộng của tập thể nhân viên trong Công ty, đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội; trợ cấp thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên theo thoả ước lao động tập thể...
- Quỹ khen thưởng được sử dụng thưởng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và các cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Số tiền VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	997.490.951.610
Trong đó:	
Doanh thu bán hàng	997.490.951.610

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Số tiền VND
Giảm giá hàng bán	19.073.563
Hàng bán bị trả lại	230.886.350
Cộng	249.959.913

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Số tiền VND
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	997.240.991.697
Cộng	997.240.991.697

28. Giá vốn hàng bán

	Số tiền VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	872.304.889.767
Cộng	872.304.889.767

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Số tiền VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	854.455.846
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	2.900.700.129
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	301.374.658
Cộng	4.056.530.633

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMTĐịa chỉ: Số 199B - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: 04. 8 628 205 Fax: 04. 8 628 703**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính đầu tiên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí tài chính

	Số tiền VND
Lãi tiền vay	19.994.316.933
Lỗi chênh lệch tỷ giá thực hiện	439.472.522
Chi phí tài chính khác	43.798.288
Cộng	20.477.587.743

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**5- Thông tin so sánh:**

Số liệu tại 15/12/2006 là số liệu được xác định theo "Biên bản xác định giá trị thực tế phần vốn góp Nhà nước, chi phí cổ phần hóa tại thời điểm chuyển đổi sở hữu Công ty cổ phần ô tô TMT" ngày 28/12/2007 được ký bởi đại diện Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty công nghiệp ô tô Việt Nam và Công ty cổ phần ô tô TMT. Có phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày Báo cáo tài chính năm 2007.


Bảng cân đối kế toán	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Chênh lệch
	15/12/2006	15/12/2006	15/12/2006
Thuế GTGT được khấu trừ	627.438.471	682.029.891	(54.591.420)
Các khoản thuế phải thu	54.591.420	0	54.591.420

7- Thông tin khác**Chi tiết Thu nhập khác gồm:**


	Số tiền VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (*)	2.983.488.429
Thu nhập khác	1.312.786.013
Cộng	4.296.274.442

(*) Đây là số liệu chênh lệch về thuế TNDN giữa "Biên bản xác định giá trị thực tế phần vốn góp Nhà nước, chi phí cổ phần hóa tại thời điểm chuyển đổi sở hữu Công ty cổ phần ô tô TMT" ngày 28/12/2007 được ký bởi đại diện Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty công nghiệp ô tô Việt Nam và Công ty cổ phần ô tô TMT với số liệu nghĩa vụ nộp thuế theo Biên bản Biên bản thanh tra thuế của năm 2005 và năm 2006 (đến ngày 14/12/2006) của Cục thuế TP. Hà Nội ngày 20/12/2007.

Người lập biểu


Phạm Mạnh Kiên

Kế toán trưởng


Đào Tiến Thành

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2008

Tổng Giám đốc




Lê Thành Chung